

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2021.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm;

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ánh Ng, sinh năm 1982 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp S, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Văn Đ, sinh năm: 1983 (Có đơn vắng mặt);

2/ Phạm Thị Ánh X, sinh năm 1982 (Có đơn vắng mặt);

Cả hai cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, bà Phạm Thị Ánh Ng trình bày: Được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông Phan Văn D có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và chính thức sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Lai, huyện Bình Đại, Bến Tre ngày 21/10/2013. Sau khi cưới bà và ông D về sinh sống tại ấp Cả Cóc, xã Tuyên Bình Tây. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc cả hai bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2017, hai bên đã bỏ nhau và sống ly thân nhau cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm bà và ông D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn D.

Về con chung: Trước khi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, bà và ông D đã sống chung với nhau và có 01 con chung tên Lê Phạm Vũ Â, sinh ngày 10/12/2007. Tuy nhiên, tại thời điểm sinh cháu Â do ông D không thừa nhận cháu Â là con mình nên bà đã cho anh rể là ông Lê Văn Đ và chị ruột là Phạm Thị Ánh X nhận làm con nuôi và đã làm thủ tục khai sinh và đứng tên cha, mẹ trong giấy khai sinh của cháu. Hiện bà và ông D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Phan Văn D không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn ông Phan Văn D có yêu cầu xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ kiện, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2021, trình bày: Ông và bà Ng quen nhau và tổ chức lễ cưới năm 2013, có đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, ông sống ở ấp Cả Cóc, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An còn bà Ng thì sinh sống xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bà Ng có mối quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Ng yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý vì còn thương bà Nguyệt.

Về con chung: Trước khi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, ông và bà Ng đã sống chung với nhau và có 01 con chung tên Lê Phạm Vũ Â, sinh ngày 10/12/2007. Tuy nhiên, ông và bà Ng đã cho ông Lê Văn Đg và bà Phạm Thị Ánh X làm con nuôi, đã làm giấy khai sinh và đứng tên cha, mẹ cháu trong giấy khai sinh của cháu. Hiện tại, ông và bà Ng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Ng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ kiện, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2020, trình bày: Bà Phạm Thị Ánh Ng là em vợ ông. Cháu Lê Phạm Vũ Â là con ruột của bà Phạm Thị Ánh Ng và ông Phan Văn D. Do trước đây, ông D không thừa nhận cháu Â là con ruột mình nên bà Ng đã cho cháu Â làm con nuôi của vợ chồng ông và vợ chồng ông cũng đã làm thủ tục khai sinh cho cháu. Nếu sau này bà Ng và ông D có yêu cầu xác nhận cháu Â là con ruột của ông D và bà Ng thì vợ chồng ông sẽ tạo điều kiện để ông D và bà Ng nhận lại cháu Â. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì trong vụ kiện xin ly hôn giữa bà Phạm Thị Ánh Ng và ông Phan Văn D.

Bà Phạm Thị Ánh X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ kiện, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2020, trình bày: Bà Phạm Thị Ánh Ng là em ruột của bà. Cháu Lê Phạm Vũ Â là con ruột của bà Phạm Thị Ánh Ng và ông Phan Văn D. Do trước đây ông D không thừa nhận cháu Â là con ruột mình nên bà Ng đã cho

cháu A làm con nuôi của vợ chồng bà và vợ chồng bà cũng đã làm thủ tục khai sinh cho cháu. Nếu sau này bà Ng và ông D có yêu cầu xác nhận cháu A là con ruột của ông D và bà Ng thì vợ chồng bà sẽ tạo điều kiện để ông D và bà Ng nhận lại cháu A. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện xin ly hôn giữa bà Phạm Thị Ánh Ng và ông Phan Văn D.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh Ng, cụ thể: Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ánh Ng được ly hôn với ông Phan Văn D; Về con chung: Bà Ng và ông D xác định hiện tại hai bên không có con chung nên không đề cập xem xét. Tài sản chung, nợ chung: Bà Ng và ông D xác định hiện tại hai bên không có tài sản chung, nợ chung nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ, bà Phạm Thị Ánh X có đơn và yêu cầu xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ kiện. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 18/8/2020, bà Phạm Thị Ánh Ng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Phan Văn D. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông D cư trú tại huyện Vĩnh Hưng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh Ng yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn D vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông D không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét, hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ánh Ng và ông Phan Văn D có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2013 đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh Ng yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn D. Ngược lại, bị đơn ông Phan Văn D không đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Ánh Ng với lý do còn thương bà Ng. Hai bên xác định đã bỏ nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay. Mặc dù, ông Phan Văn D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ánh Ng nhưng ông D lại không đến phiên tòa theo giấy triệu tập để đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng xem như ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà Ng. Do đó, bà Phạm Thị Ánh Ng yêu cầu Hội đồng xét xử cho bà được ly hôn với ông Phan Văn D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị Ánh Ng và ông Phan Văn D xác định hiện tại hai bên không có con chung nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Ánh Ng và ông Phan Văn D xác định hiện tại hai bên không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ, bà Phạm Thị Ánh X không có yêu cầu gì trong vụ kiện nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[7] Án phí: Bà Phạm Thị Ánh Ng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phạm Thị Ánh Ng với ông Phan Văn D.

1/ Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ánh Ng được ly hôn với ông Phan Văn D.

2/ Về án phí: Bà Phạm Thị Ánh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002672 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, bà Ng đã nộp đủ án phí.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh.
- VKSND Huyện.
- CCTHADS Huyện.
- Các đương sự.
- UBND xã, thị trấn nơi đăng ký kết hôn
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Trọng Nhân